Quê Mẹ : Câu Hỏi 46-50

46. Lê Thị Huệ : Có một điều tế nhị nhiều người không muốn nói, nhưng tôi nghĩ với những vấn đề của trí thức, nó chẳng phải là một điều gì ghê gớm. Có phải ông Nhất Hạnh muốn cách mạng Phật Giáo Việt Nam, có phải ông Nhất Hạnh đã yêu bà Chân Không và thăng hoa tình yêu ấy khi muốn Phật Giáo Việt Nam chấp nhận chuyện sư có vợ con. Với tôi, đây là một điều tốt cho tôn giáo của ông ấy. Tôi không phản đối điều này. Liệu có một sự thật nào đó trong câu chuyện này, hay đây chỉ là một lời đồn lừa dối.

Võ Văn Ái : Nói rằng ông Nhất Hạnh muốn cách mạng Phật giáo Việt Nam thì không đúng. Đại sư Thái Hư mới là người xứng danh và là nhân vật lịch sử của Phật giáo từ những năm đầu Dân quốc thế kỷ XX ở Trung quốc, khởi xướng cuộc tân vận động của Phật giáo cận đại và hiện đại. Trước Dân quốc, Tăng sĩ bị xã hội khinh rẻ vì thiếu học, chỉ biết cúng kiến, mê tín, nên Đại sư Thái Hư gióng lên cuộc cách mạng Phật giáo trên ba lĩnh vực cơ bản là **Cách mạng Giáo lý – Cách mạng Giáo chế - Cách mạng Giáo sản** trong hoàn cảnh bế tắc và tiêu trầm của Phật giáo Trung quốc. Tư tưởng cách mạng này vượt biên cương chi phối toàn thể sinh hoạt Phật giáo từ Á sang Âu Mỹ. Nhờ những chuyến đi thuyết pháp của Đại sư Thái Hư mà các Hội Học Phật được thiết lập khắp Âu Mỹ Á đầu thế kỷ XX.

Tại Việt Nam, Cư sĩ Lê Đình Thám cùng các Đại sư Phước Huệ, Trí Độ, v.v… do đọc sách của Thái Hư mà phát động Phong trào Chấn hưng Phật giáo Việt Nam từ thập niên 20 đầu thế kỷ XX lan truyền khắp Nam, Trung, Bắc kỳ. Sự xuất hiện uy dũng của Phật giáo Việt Nam hai thập niên 50, 60, là thành quả của phong trào Chấn hưng Phật giáo gợi hứng từ công trình, công đức và công hạnh kỳ vĩ của Thái Hư Đại sư.

Bản thân ông Nhất Hạnh có một số phát kiến canh tân Phật giáo sau thời gian du học ở Mỹ. Tôi nghĩ ông chịu ít nhiều ảnh hưởng từ giáo phái Tin Lành và thần học Paul Tillich trong các phát kiến của ông. Tôi từng viết bài ca ngợi cuốn sách *“Hiện đại hóa Phật giáo”* của ông trên tạp san Hải Triều Âm ở Saigon giữa thập niên 60. Trái lại, Bùi Giáng thì chê Nhất Hạnh về cuốn sách này trong *“Đi vào Cõi Thơ”* do Ca Dao ấn hành, Saigon năm 1969, ở trang 63 như sau : *“Nhất Hạnh có nguồn thơ chứa chan. Chúng ta không hiểu vì lẽ gì nguồn thơ đó lại không đủ sức ngăn cản ông,* ***khiến ông hì hục hiện đại hóa Phật Giáo Uyên Nguyên****. Trường hợp Nhất Hạnh là trường hợp một thi sỹ thiên tài bị vướng phải cạm bẫy của triết học Tây phương”.*

Từ năm 64, 65 tại Saigon, ông Nhất Hạnh thiết lập dòng Tiếp Hiện cho phép người tu lập gia đình, phát triển trong giới Phật tử thuộc Trường Thanh niên Phụng sự Xã hội ở Phú Thọ Hoà. Trong giới thân cận ông có một người không đồng ý là Nhất Chi Mai, tức cô giáo Phan Thị Mai tự thiêu cho Hòa bình năm 1966. Tôi còn giữ bức thư thủ bút của cô ấy về sự bất đồng này. Ông Nhất Hạnh dự tính công khai dòng Tiếp Hiện qua một

cuộc họp báo ở Saigon, đưa Phạm Công Thiện làm người đầu đàn phát huy Dòng mới (thời gian này Phạm Công Thiện còn tu dưới tên Đại đức Thích Nguyên Tánh). Nhưng cố Hoà thượng T.T. ngăn cản, nên Phạm Công Thiện bỏ rơi cuộc họp báo rồi sau đi du học Mỹ, nên việc không thành. Khoảng năm 1967, thời ông đón bà Cao Ngọc Phượng ở Việt Nam ra, hai người cùng sang Tokyo chung sống sáu tháng, nói là đi nghiên cứu "kinh tế hậu chiến", ông viết thư cho tôi kèm cương lĩnh và giới luật Dòng Tiếp Hiện mong tôi tham gia thực hiện và phát triển dòng tu mới. Nhưng tôi không đáp ứng.

Thực tế là vào giai đoạn giữa thập niên 60, ngoài Nhất Hạnh, tôi biết vài vị Tăng vai vế có khuynh hướng phát động phong trào Tân Tăng Nhật Bản tại Saigon, như cố Hoà thượng TMG là một. Nhưng sau vài thử nghiệm họ gặp phản ứng chống đối quá lớn của quần chúng Phật tử, nên phong trào vụt tắt. Sau này nhờ hoàn cảnh khách quan ở nước ngoài dễ phát triển hơn trong khung cảnh Làng Mai ở Pháp.

Về giới Tân Tăng cho phép lấy vợ, thì Nhật Bản là nước tiên phong và có truyền thống từ thế kỷ XIII. Đọc truyện *Kinkakuji* của Yukio Mishima sẽ thấy bối cảnh của đời sống Tân Tăng này.

Đại sư Thân Loan (*Shiran*, 1173-1262) tổ khai sáng Tịnh độ Chân tông Nhật bản (*Jōdo-shinshū / Shin Buddhism*), sau khi làm đệ tử ngài Pháp Nhiên (*Hōnen*) được Thầy cho phép lấy Ni cô Huệ Tín làm vợ, khởi nguồn cho chế độ Tăng lấy vợ của phái Chân tông Nhật bản.

Hơn mười năm trước tôi đến thăm chùa Higashi Honganji (Đông Bản Nguyện tự) ở cố đô Kyoto là bản sơn của phái này. Vị sư dẫn tôi đi thăm chùa giải thích rằng : *"Thấp thoáng sau lưng các vị Sư có bóng người đàn bà. Tại sao không công khai hóa mà cứ giấu giấu diếm diếm ?"* Rồi ông thuật cho tôi nghe việc ra đời của phái Tân Tăng của ngài Thân Loan. Chuyến thăm ấy tôi còn chú ý tổ chức Nhân quyền của Tịnh độ Chân tông ngay trong ngôi bản tự này. Có đến 450 nhân viên túc trực. Họ lo cho nhân quyền của giới cùng đinh *Burakumin* (20) Nhật bản, khoảng 3 triệu người sống trong cảnh kỳ thị xã hội. Ban ngày các sư đi làm lụng như người thường (cư sĩ) trong các công xưởng, văn phòng hay quán ăn. Về chùa khi lễ lượt mới mặc y áo tăng sĩ.

Cuối thập niên 60, trong mấy năm dài chúng tôi chung sống với nhau dưới mái nhà làm trụ sở Phật giáo ở số 11, rue de Vénus, thị xã Maisons-Alfort, ngoại ô Nam Paris. Thời ấy, ông Nhất Hạnh và bà Cao Ngọc Phượng (sau này cạo đầu xuất gia lấy tên Chân Không) sống đời sống đôi cặp tự do, không giấu diếm, tuy ông không cổi áo công khai hóa ngoài xã hội. Cùng sống với chúng tôi lúc ấy có 7 vị Tăng và 6 cư sĩ. Sau này 5 trong số 7 vị Tăng này đã hoàn tục (một vị hiện sống ở Paris và một vị nay ở Saigon).

Kinh Phật dạy *y pháp bất y nhân*, nghĩa là y vào Pháp Phật mà học và tu, đừng nệ tới con người. Người bình dân cũng nói *ai tu nấy chứng*. Quan điểm tôi, việc lấy vợ hay

không chẳng quan trọng cho bằng đức hạnh, trình độ tu chứng và nỗ lực cứu đời.

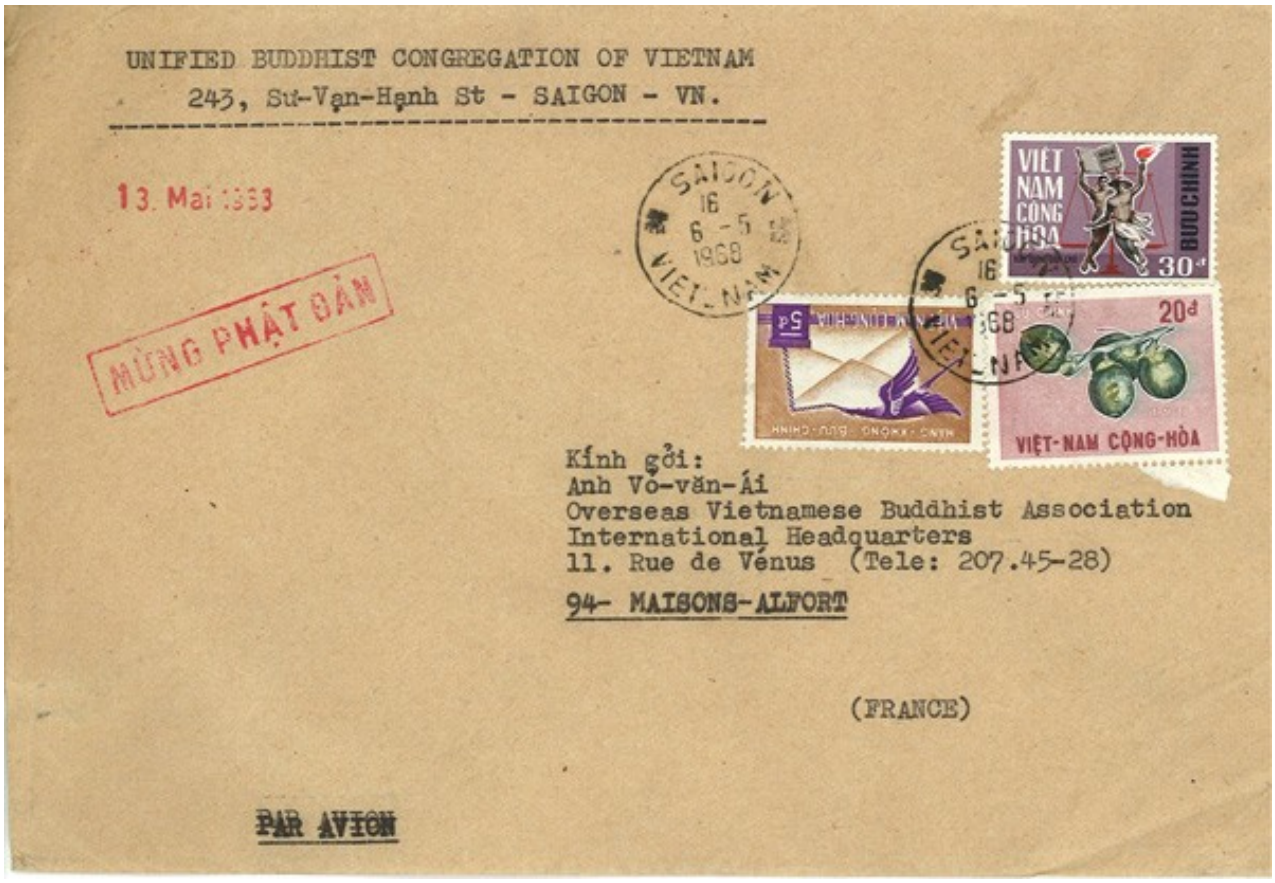
UNIFIED BUDDHIST CONGREGATION OF VIETNAM
243, Sư-Vạn-Hạnh St - SAIGON - VN.

13. Mai 1968

MỪNG PHẬT ĐẢN

SAIGON 16 6-5 1968 VIET-NAM

VIỆT NAM CỘNG HÒA BƯU CHÍNH 30đ

20đ VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Kính gởi:
Anh Võ-văn-Ái
Overseas Vietnamese Buddhist Association
International Headquarters
11. Rue de Vénus (Tele: 207.45-28)
94- MAISONS-ALFORT

(FRANCE)

PAR AVION

Bì thư của Viện Hóa Đạo liên lạc với Văn phòng Phật giáo của tôi tại Maisons-Alfort, ngoại ô Paris, 1968.

47. Lê Thị Huệ : Đạo Bụt của ông Nhất Hạnh, ông nghĩ sao ?

Võ Văn Ái : Ông Nhất Hạnh có công giới thiệu đạo Phật theo giáo phái Làng Mai của ông ấy cho giới thị dân Âu Mỹ. Những người mà đời sống bị thúc bách, đè nén thường xuyên vì công ăn việc làm hay đời sống bon chen ở các thị trấn. Nên họ bị *stress*. Các khóa tu học cuối tuần của đạo Bụt cấm dùng điện thoại, không được xem Tivi, bắt hít thở trong không khí miền quê hay rừng núi, vừa đi vừa hít thở thiền hành, tập cười, tập ôm nhau thân ái (Thiền Ôm) khi có nhu cầu, làm cho con người thư giản, an dịu thân tâm. Một lối tu tập Yoga. Song tiến xa hơn vào đời sống tâm linh của đạo Phật, thì dường như Đạo Bụt không thành công. Tôi gặp một số bạn Tây phương thích thú theo học giáo phái Làng Mai nhưng bỏ nửa chừng để quay sang đường lối tu tập cao thâm

hơn của Phật giáo Tây Tạng. Đạo Bụt của ông dịu dàng, thiên về tự kỷ ám thị hơn là khai mở chân tâm. Đánh một tiếng chuông mỉm miệng cười, dán những câu thơ / kệ trong phòng tắm, phòng ngủ, trẻ em đi học về ôm mẹ nói "Mẹ ơi, con thương mẹ lắm", v.v... có cái gì rất Pavlov, không tự nhiên. Chứng tỏ phương pháp này xuất phát từ những con người sống quá lâu trong dồn nén, ẩn ức, bất bình thế sự, không thỏa mãn tình dục.

Nếu đạo Phật mà chỉ có thế, thì đây là sự tu mù, luyện bậy. Bởi đạo Bụt còn ở trong vòng Thế pháp, chưa là Phật Pháp.

Trong truyền thống tu học Phật giáo của giới xuất gia từ nghìn xưa thì các bộ *Luật Sa di và Sa di ni* nghiêm túc, trang nghiêm, cẩn trọng và có phương pháp hơn nhiều.

Đạo là thông lưu không trở ngại. Thiền là hành động tự nhiên hơn sự giải thích bằng ngôn ngữ hay cử điệu. Một cái vỗ vai với người bạn, một ánh mắt đối với mẹ sẽ ý nhị và làm thay những câu nói hay cử động cải lương kia.

Ngay việc sử dụng chữ Bụt thay cho chữ Phật thường dụng trong quần chúng Việt Nam qua nhiều thế kỷ, tôi thấy như có gì trình diễn, cải lương, lập dị, hơn là một thay đổi có tính bản thể.
Sự thất bại của đạo Bụt thấy rõ ở các nước Á châu như Nhật Bản, Nam Hàn, Việt Nam. Mười mấy năm trước, chuyến đi thuyết trình của ông Nhất Hạnh tại Nhật thất bại nên ông không còn trở lại. Hai Thượng toạ Hộ Tùng Nghĩa Tình và Hoàn Sơn Chiếu Hùng mà tôi gặp tại Tâm Quang Viện ở Tokyo, thành viên *Phật giáo Quốc tế Hiệp lực* và ở trong ban tổ chức chuyến đi một tháng cho ông Nhất Hạnh nói với tôi như thế. Hỏi lý do, hai vị bảo rằng người Nhật không chấp nhận lối Pháp đàm và cách trình bày về Phật giáo của ông Nhất Hạnh. Loại "Thiền ôm hít thô sơ" chạm trán với dòng Thiền thâm hậu Nhật Bản vốn có truyền thống tu chứng thành nếp văn hoá tâm linh cao cả, ắt phải tiêu ma. Cho nên đạo Bụt của ông Nhất Hạnh chỉ thành công phần nào tại các nước phương Tây cho giới thị dân và giới cựu quân nhân Mỹ có vấn đề tâm thần sau cuộc chiến khủng khiếp tại Việt Nam.

Đó là nói chuyện trong thế giới. Trở về cố hương, Huế là pháo đài của ông Nhất Hạnh, chùa Từ Hiếu là sở hữu kế thừa của ông. Trước chuyến về Việt Nam lần đầu năm 2005, đa số Phật tử Huế xem ông là thần tượng, nếu không là Bụt sống. Họ xem Làng Mai như cõi Tịnh độ. Thế nhưng hành xử của ông khi được tiếp xúc, cùng với cung cách giáo phái Làng Mai đã thất bại nặng nề tại Huế. Tôi chợt nhớ lời phê bình của Bùi Giáng nhắc tới lúc nãy.

Một vị Tăng ở Huế viết thư cho tôi có câu : "Chư Tăng ở Huế rất náo nức và hả dạ ngày Thầy Nhất Hạnh mới trở về. Nhưng nay khi Thầy Nhất Hạnh ra đi thì ai nấy đều ê chề, oán hận thấu trời xanh, mà không nói được nên lời". Chuyến đầu về Huế năm 2005

hàng bao nhiêu nghìn Phật tử đón rước, thế nhưng mấy lần sau rất tiêu điều chẳng bao lăm người đón tiếp, theo lời thuật của Phật tử Huế. Bị thất bại tại Huế, khiến ông giận dữ nên một mình lúc tinh sương bỏ ra phi trường đi Hà Nội, khi Tăng thân Làng Mai thức dậy ngơ ngác không biết Thầy mình đi đâu ! Phật tử Huế cũng không chấp nhận sự kiện ông diễn trò lễ "Cổ Phật Khất thực" rình rang và phi truyền thống tại đàn Nam Giao nơi vua chúa thường năm giết súc vật tế Trời. Dân Huế phê phán đàn Nam Giao không thanh tịnh, sao đem bày chuyện lễ Phật tân thời ở đó.

Đặc biệt sự kiện ông đuổi bốn mươi sáu (46) Tăng sinh ra khỏi chùa Từ Hiếu, vì những Tăng sinh này không chấp nhận tu theo kiểu mới của giáo phái Làng Mai. Họ chỉ muốn tiếp tục tu hành theo truyền thống Phật giáo Huế. Nghĩ lại mới thấy Sư Ông hay Cộng sản độc tài ngang nhau, cấm chỉ tự do tín ngưỡng ngang nhau.Chỉ khác nhau số lượng : năm 2005 Sư Ông Nhất Hạnh đuổi 46 Tăng sinh Huế, bốn năm sau, 2009, Cộng sản đuổi 375 Tăng thân Làng Mai ở Tu viện Bát Nhã trên Lâm Đồng. Sự kiện đuổi 46 Tăng sinh ra khỏi chùa Từ Hiếu để lại hai câu ca dao trong lòng Phật tử Huế :

Ôn về thả một bè lau
Chư Tăng buồn tủi nỗi đau mất chùa

Phải chăng đạo Bụt và người dạy đạo Bụt thích hợp với một số thị dân Âu Mỹ, nhưng không hợp với tạng người Việt và người Á châu ?

Sự mơ mộng hão huyền của ông còn thấy qua lời ông khuyên Tổng thống George W. Bush ngày quân khủng bố Al Qaida đánh sập hai cao ốc *Twin Towers* ở New York (11.9.2001). Ông lên tiếng trên truyền thông báo chí khuyên Tổng thống Bush đi gặp Ben Laden, hai bên hãy ngồi lắng nghe nhau để giải quyết việc đời theo cái điệu *"Hiểu và Thương"* của giáo phái Làng Mai ! Nội bộ những tín đồ Làng Mai còn hục hặc chưa "hiểu và thương" nhau, nói chi những người ở xa vạn dặm hay địch thù nhau ? Ở đây tôi không muốn đào sâu việc trước ba nghìn người Hoa Kỳ chết thảm trong vụ Twin Towers ở New York, ông Nhất Hạnh chẳng quặn lòng thương cảm, lại nhân dịp ấy đưa những con số khổng lồ mấy trăm nghìn dân Bến Tre bị chết vì không lực Hoa Kỳ oanh tạc ! Cộng đồng người Việt Tị nạn đã phẫn nộ và phản ứng mạnh mẽ vụ tuyên bố tuỳ hứng này.

Su Thầy Nhất Hạnh và bà Chân Không Cao Ngọc Phượng ngồi chầu Đại tướng Võ Nguyên Giáp và phu nhân. Ảnh chụp ngày 24.4.2007 tại Hà Nội. Su Thầy là danh từ Tướng Giáp gọi Su Ông trong cuộc bái kiến hôm ấy. Xem trả lời các câu hỏi từ số 43 đến 49.

Ông Nhất Hạnh giải quyết "chính trị thế giới" hay "đạo lý thế giới" như vậy quả là "tuyệt tác". Song không kém phần ngây thơ nếu không nói lẩm cẩm. Giá dụ cách thế ấy là chìa khoá cho nhân loại đại đồng, hẳn trái đất đã là Thiên đường hay Niết Bàn từ bao đời, Chúa Jesus, đức Phật, Khổng Khưu, Lão Tử... chắc đã lấy hưu non từ lâu ?

Tôi bỗng nhớ lời Mai Thảo phê bình cuốn sách *"Nói với Tuổi Hai mươi"* (21) của Nhất Hạnh trên tạp chí Nghệ Thuật. Cuốn sách gây sôi nổi một thời trong giới trẻ ở Saigon, mà mục tiêu người viết nhắm đánh phủ đầu Phạm Công Thiện với ý thức nổi loạn chống thế hệ cha anh làm cho đất nước điêu linh hai mươi năm trường, mà họ Phạm viết trong sách *"Ý thức Mới trong Văn nghệ và Triết học"*. Ông Nhất Hạnh khuyên Tuổi Hai Mươi : *"Thương nhau, chúng ta sẽ tìm thấy con đường. Thương nhau, chúng ta sẽ làm nên lịch sử".* Mai Thảo phê thứ triết lý ấy khác chi nói *"sau cơn mưa trời sẽ nắng"* ! Còn Bùi Giáng thì phản ứng bằng bài viết *"Nói với tuổi Chín mươi"*.

48. Lê Thị Huệ : Ông Nhất Hạnh là người Việt đầu tiên thành công trong việc mang Phật Giáo Việt Nam ra cùng thế giới ? Ông có đồng ý với điểm này không ?

Võ Văn Ái : Vâng, trong số hàng trăm Tăng Ni Việt ra hải ngoại hoạt động tôn giáo hơn ba chục năm qua, thì ông Nhất Hạnh và bà Thanh Hải Vô thượng sư coi như nổi tiếng nhất trên thế giới.

Một nhận xét mà tôi thường suy nghĩ vẫn chưa tìm ra lời đáp, là khi các nhà tôn giáo lớn Ấn Độ (Vivekananda, Krishmanurti…), Trung quốc (Thái Hư Đại sư…), Nhật Bản (Suzuki, và rất nhiều Thiền sư được gửi ra nước ngoài), Tây Tạng (Đức Dalai Lama) sang phương Tây hoạt động, họ góp công nói lên niềm tin phương Đông họ đeo đuổi, vén mở các điều Tây phương còn mù mờ. Những điều Tây phương cần thông tỏ cho việc tỉ giảo và hoà đồng. Không bao giờ các vị này móc nối các tín ngưỡng Tây phương vào pha trộn với giáo lý của họ.

Trái lại, ông Nhất Hạnh cũng như bà Thanh Hải Vô thượng sư thì luôn nỗ lực ghép đức Phật vào với Chúa Jesus để truyền đạo. Một nỗ lực hoà đồng tôn giáo ? Muốn lôi cuốn tín đồ đạo khác thần phục mình ? Muốn làm Giáo chủ cả hai tôn giáo ?

49. Lê Thị Huệ : Là một trí thức ngang ngửa với Nhất Hạnh, đã từng là bạn của Nhất Hạnh, ông cho tôi hỏi một câu, sự thành công, cái hấp lực của ông Nhất Hạnh nằm ở đâu, ở điều ông ấy viết hay như một nhà thơ, hoặc ở lời ông ấy giảng hay như một ông thầy chùa.

Võ Văn Ái : Sự thành công đặc biệt của ông ấy kết hợp giữa tài văn thơ với bộ áo ông thầy tu. Cởi bộ áo thầy tu ra, ông sẽ không thành Krishmanurti. Chuyện tuy phụ nhưng thành tố chủ yếu cho sự thành đạt của ông ta, là âm hưởng của cuộc nổi dậy Phật giáo năm 1963 cộng với sự vang động chiến tranh Việt Nam trong lòng thế giới.

Mặt khác, hiện nay, từ cuối thế kỷ XX sang đầu thế kỷ XXI nhân loại lâm cuộc khủng hoảng văn hóa và tinh thần rất lớn. Con người khao khát một niềm tin, chờ đợi một niềm tin. Ai dám đứng ra chỉ đường dẫn lối, mang lại một niềm tin, tất con người nối đuôi đi theo. Ở Mỹ chắc chị nhớ phong trào ông Guru Rajneesh, người Ấn độ, chứ ? Đã có thời ông này lôi kéo hàng chục hàng trăm nghìn người theo ông tu học, kể cả giới thượng lưu bác sĩ, kỹ sư, luật gia… nối đuôi xe Limousine đến học đạo với ông… Cho tới ngày ông ta bị trục xuất khỏi Hoa Kỳ, phong trào mới chấm dứt.

Nói gì đâu xa, cách đây không lâu, tôi có những bạn bác sĩ, kỹ sư, thương gia… bỗng một sớm bỏ vợ, bỏ con, bỏ nhà cửa đi theo bà Thanh Hải Vô Thượng sư. Mỗi lần bà này thuyết pháp có cả chục nghìn người đi nghe. Nghe nói người ta xin uống nước tắm của bà ấy ?! Đến khi bà để tóc, ăn mặc thời trang, lấy chồng, mà tín đồ vẫn cứ mê. Tôi có người bạn bác sĩ *fan* của bà ở Dallas nói với tôi rằng mỗi khi gặp khó khăn ông chỉ niệm danh hiệu bà là mọi sự qua khỏi. Đấy, niềm tin của con người. Tôi có dịp xem trên truyền hình Pháp về một phái thờ đá, thờ búp bê bên Mỹ. Xem ra cũng bộn tín đồ.

Cái chính hiện nay là con người khao khát một niềm tin, chờ đợi một niềm tin, và con người còn vô minh. Chị đóng kịch giỏi chị sẽ tha hồ thu hút tín đồ làm nạn nhân. Chị đạo cao đức trọng, chị sẽ cứu vớt hằng hà sa số chúng sinh.

Ỷ Lan, Xưởng in Quê Mẹ, Leonid Pliouchtch
và Hội Những Người Bạn Quê Mẹ

50. Lê Thị Huệ : Ỷ Lan, một người khá đặc biệt gây tò mò cho người Việt Hải Ngoại khi cô xuất hiện cạnh Võ Văn Ái. Ông có thể cho biết ông đã gặp người thiếu nữ *"tóc vàng sợi nhỏ"* ấy thế nào ?

Võ Văn Ái : Cuối năm 1967 tôi được mời đi thuyết trình qua một số thành phố tại Anh quốc nói lên lập trường hoà bình của Phật giáo Việt Nam, một nền hoà bình không Cộng sản. Tại cố đô York, sau khi cuộc thuyết trình kết thúc một cô sinh viên đến hỏi tôi : Tôi muốn về Việt Nam một năm giúp cho người dân Việt trong bất cứ vấn đề gì, ông có thể giúp tôi về Việt Nam không ? Tôi trả lời đại khái là về Việt Nam phức tạp lắm do tình hình chiến tranh. Cô vào các làng quê là nơi người dân cần sự giúp đỡ, có thể sẽ bị người ta nghi ngờ cô là người của CIA, khó cho cô thực hiện thiện chí của mình. Cô hỏi lại : Thế thì tôi có thể làm gì hữu ích cho hoà bình Việt Nam ? Ở nước Anh, sinh viên có quyền lấy một năm nghỉ đi nghiên cứu (sabbatical year), tôi có thể giúp ông một năm. Tôi đề nghị cô qua Paris làm thư ký cho Văn phòng Phật giáo do tôi điều hành trong nhiệm vụ thông tin quốc tế về vấn đề Việt Nam và Phật giáo.

Mùa thu năm 1968, khi năm học kết thúc, cô Penelope Faulkner, sau này lấy tên Ỷ Lan, sang Paris làm thư ký ở Văn phòng Hội Phật tử Việt Kiều Hải ngoại, là hội do tôi thành lập năm 1963 và có 11 chi bộ tại các nước Châu Âu, Ấn Độ, Nhật Bản, Thái Lan, Cam Bốt và Hoa Kỳ và được Quyết định Viện Hoá Đạo công nhận năm 1964 là chi bộ hải ngoại của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Tổ chức Quaker nước Anh tài trợ cho cô một năm kinh phí. Trước khi sang Paris, cô đi làm công cho một hãng sản xuất Chocolat ở York để lấy tiền mua vé tàu.

NORTHERN FRIENDS' PEACE BOARD
in association with Bradford U.N.A. and Bradford C.N.D.

Invite you, as an individual concerned with the problem of the War in Vietnam, to hear

VO VAN AI
(Secretary-General, Vietnamese Buddhists)

at an INFORMAL MEETING at FRIENDS' MEETING HOUSE
MELBOURNE PLACE, BRADFORD 5
on MONDAY, 25th SEPTEMBER, 1967, at 7-30 p.m.

Thư của tổ chức Quaker mời đến nghe tôi thuyết trình, trên đây tổ chức tại thành phố Bradford, 25.9.1967

Khởi sự như thế với dự tính giúp việc một năm không lương. Không ngờ chiến tranh Việt Nam ngày càng khốc liệt, tình hình quốc tế với sự phát triển của phe phản chiến do Liên Xô điều động, cộng thêm cảm tình đặc biệt cô dành cho văn hoá Việt, Ỷ Lan quyết định ở lại Pháp làm việc không lương. Và không ăn một đồng lương nào từ đó đến nay. Cô bỏ đại học Cambridge, ghi tên vào Trường Đông phương Sinh ngữ ở Paris vừa đi học vừa giúp chúng tôi.

Trong một câu hỏi trước đây tôi kể chuyện khó khăn tại nhà in vì sự phá hoại của một người bà Cao Ngọc Phượng gửi từ Saigon sang giúp chúng tôi. Sau này anh ta (CB/PTN) phá hoại toàn bộ máy móc nhà in rồi bỏ đi với tính toán là chúng tôi sẽ sạt nghiệp nơi xứ lạ quê người. Ỷ Lan đã tận tâm giúp chúng tôi trong cơn nguy khó, cô cũng xông xáo học nghề, đứng máy, lao tâm lao lực với chúng tôi để vực dậy một nhà in bị phá hoại. Tiền mua nhà in và máy móc phải vay nợ các bà phú gia người Việt ở Paris tiền lãi 4 phân mỗi tháng ! Do vô sản, nên các ngân hàng không cho chúng tôi vay.

(20) Burakumin nghĩa đen là kẻ ở xóm nghèo, bao gồm các dòng họ thuộc giới hàng thịt, thuộc da, sả thịt bị xem như tầng lớp hạ cấp, ô danh.

(21) Lá Bối, Saigon, 1966. Sách này ông Nhất Hạnh công khai đánh phủ đầu Phạm Công Thiện, một nỗ lực mô phạm nhằm ngăn chặn dòng văn và cách sống nổi loạn của tuổi trẻ phủ nhận thế hệ cha anh của họ Phạm thông qua cuốn sách gối đầu của tuổi trẻ bấy giờ. Đó là cuốn *"Ý thức Mới trong Văn nghệ và Triết học"*. Sau này thầy Từ Mẫn, Giám đốc nhà Lá Bối (tức cơ sở xuất bản của ông Nhất Hạnh), cho tái bản sách Phạm

Công Thiện đã bị ông Nhất Hạnh rầy la.